TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN CHẤN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 24/4/2025
V/v: *Ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Lương Trung Đức.

2. Bà Sầm Thị Minh Khuyên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLST - HNGĐ, ngày 07/02/2025 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXX ST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Đoàn Anh T , sinh năm 2003;

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (*Ngày 16/4/2025 có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Bị đơn: Anh Đinh Trọng H, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. (*Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai tại Tòa án chị Nguyễn Đoàn Anh T trình bày: Chị và anh Đinh Trọng H tự nguyện kết hôn ngày 06/12/2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 2/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị T nghi ngờ anh H có quan hệ với người đàn ông cùng giới tính, từ đó không quan tâm đến vợ, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2023 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh Đinh Trọng H không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đinh Trọng H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 25/3/2025 trưởng thôn Nghĩa Lập C, xã N ông Hà Minh S cho biết: Anh H, chị T có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2022 tại UBND xã N và là vợ chồng hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn N, xã N. Vợ chồng H, T chung sống đến tháng 2/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo ông biết là do anh H không quan tâm đến chị T, thường xuyên dẫn bạn trai về nhà chơi, việc anh H có quan hệ với người đàn ông cùng giới tính hay không thì ông không nắm bắt được. Anh chị H, T đã sống ly thân từ tháng 02/2023 đến nay, Đối với các văn bản của Tòa án ông nhận hộ và đều đã giao tận tay cho anh H, tuy nhiên anh H có ý kiến không lên Tòa án làm việc mà để chị T tự giải quyết ly hôn.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị T, anh H; Bản sao chứng thực Căn cước công dân của Nguyễn Đoàn Anh T; Bản Xác nhận thông tin về cư trú đối với Nguyễn Đoàn Anh T; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải của Nguyễn Đoàn Anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Đoàn Anh T vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đinh Trọng H vắng mặt lần thứ hai nhưng đã được triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Đoàn Anh T và anh Đinh Trọng H. Về luật nội dung căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Đoàn Anh T: Xử cho chị Nguyễn Đoàn Anh T được ly hôn anh Đinh Trọng H. Về con chung: Chị T, anh H không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí chị Nguyễn Đoàn Anh T phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết:*

Bị đơn anh Đinh Trọng H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa chị Nguyễn Đoàn Anh T vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đinh Trọng H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với Nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Đoàn Anh T và anh Đinh Trọng H.

[3] *Về Quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Đoàn Anh T và anh Đinh Trọng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 06/12/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị T trình bày giữa hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T phát hiện anh Hóa B đê (ý là đồng tính nam), anh H nhiều lần ngủ với người đàn ông khác và chị đã bắt được nhiều lần, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh H không quan tâm đến chị. nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy đối với nguyên nhân mâu thuẫn chị T trình bày do anh H ngủ với người đàn ông khác nhưng ngoài lời khai không có tài liệu chứng cứ gì khác chứng minh cho việc chị T trình bày, nên không có cơ sở xem xét hành vi của anh H có vi phạm pháp luật hay không. Tuy nhiên có thể thấy từ khoảng tháng 2 năm 2023 chị T và anh H đã không còn chung sống cùng nhau, khi chị T suy nghĩ đến việc ly hôn, anh H không có hành động nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Vợ chồng T, H đã sống ly thân từ đó đến nay, từ khi ly thân đến nay chị T và anh H không còn quan tâm đến nhau nữa. Nghĩa vụ của vợ chồng là sống chung với nhau tuy nhiên chị T, anh H đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau cho thấy hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Đoàn Anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Đoàn Anh T và anh Đinh Trọng H không có con chung.

[5]. *Về tài sản chung, việc thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Đoàn Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7]. Chị Nguyễn Đoàn Anh T và anh Đinh Trọng H được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Quan điểm về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 ; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Đoàn Anh T được ly hôn anh Đinh Trọng H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Đoàn Anh T và anh Đinh Trọng H không có con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Đoàn Anh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2024/0000921 ngày 07/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái, Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Đoàn Anh T, anh Đinh Trọng H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện Văn Chấn;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện V;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Linh